

Đồng Tháp, ngày 14. tháng 02. năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: Quản lý tài nguyên và môi trường Mã ngành: 7850101
Trình độ đào tạo: Đại học
Đơn vị đào tạo: Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường, Trường Đại học Đồng Tháp

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với đơn vị đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ghi chú
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hà Danh Đức 08/09/1977	341712104		Tiến sĩ, Thái Lan, 2018	Quản lý môi trường	01/9/2000	Không xác định thời hạn	4904002408	22	3	1	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ghi chú
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
2	Phạm Quốc Nguyên 31/08/1978	340931413		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Môi trường Đất và nước	01/9/2006	Không xác định thời hạn	8713006191	16	1	3	
3	Lê Diễm Kiều 21/4/1983	342155017		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Môi trường đất và nước	25/8/2008	Không xác định thời hạn	5606007617	14	0	4	
4	Nguyễn Thị Hải Lý 29/12/1981	341040361		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Môi trường đất và nước	01/9/2006	Không xác định thời hạn	8708003189	16	0	5	
5	Nguyễn Thị Phương 26/7/1985	087185019883		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Khoa học đất	01/9/2007	Không xác định thời hạn	4907005005	15	0	3	

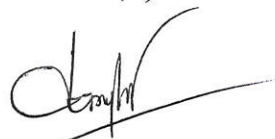


Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ghi chú
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
6	Bùi Minh Triết 19/11/1987	341249175		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kỹ thuật môi trường	01/5/2010	Không xác định thời hạn	8710002388	08	0	0	
7	Phạm Thế Hùng 13/5/1985	089085023936		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Bản đồ, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	01/9/2007	Không xác định thời hạn	4907005007	15	0	1	
8	Nguyễn Hồ 10/03/1984	087084016358		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Địa lý tự nhiên	01/8/2006	Không xác định thời hạn	8708003180	16	3	2	
9	Ngô Thạch Thảo Ly 01/6/1986	094186007037		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý đất đai	01/4/2009	Không xác định thời hạn	8709002837	13	0	2	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ghi chú
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
10	La Văn Hùng Minh (21/11/1985)	087085014371		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý đất đai	01/4/2009	Không xác định thời hạn	8709002846	13	0	2	
11	Nguyễn Minh Thảo (6/8/1988)	341414640		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Hóa lý thuyết và hóa lý	01/12/2010	Không xác định thời hạn	8711000133	12	4	3	

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

(Ký tên xác nhận)



Trần Văn Phúc

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Hồ Văn Thống

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
ĐOÀN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 14. tháng 02 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

- Ngành dự kiến mở: Quản lý tài nguyên và môi trường Mã ngành: 7850101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Đơn vị đào tạo: Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường, Trường Đại học Đồng Tháp

Mẫu 2: Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Lê Nhựt Long Phan Thái Anh Thư	Tiếng Anh 1	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần ngoại ngữ trong CTĐT
2	Trần Ngọc Ánh Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tiếng Anh 2	Học kỳ 2, năm thứ 1	2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần ngoại ngữ trong CTĐT
3	Tiêu Thanh Sang Lê Thanh Phong Trương Văn Lợi Trần Văn Điền Trần Minh Sang Nguyễn Tất Hùng	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục quốc phòng trong chương trình đào tạo (CTĐT)

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
	Nguyễn Thị Huyền							
4	Tiêu Thanh Sang Lê Thanh Phong Trương Văn Lợi Trần Văn Điền Trần Minh Sang Nguyễn Tất Hùng Nguyễn Thị Huyền	Công tác quốc phòng, an ninh	Học kỳ 2, năm thứ 1	2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục quốc phòng trong CTĐT
5	Tiêu Thanh Sang Lê Thanh Phong Trương Văn Lợi Trần Văn Điền Trần Minh Sang Nguyễn Tất Hùng Nguyễn Thị Huyền	Quân sự chung	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục quốc phòng trong CTĐT
6	Tiêu Thanh Sang Lê Thanh Phong Trương Văn Lợi Trần Văn Điền Trần Minh Sang Nguyễn Tất Hùng Nguyễn Thị Huyền	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Học kỳ 2, năm thứ 2	4				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục quốc phòng trong CTĐT
7	Trần Anh Hào Hồ Ngọc Lợi Trần Hữu Điền	Giáo dục thể chất 1	Học kỳ 1, năm thứ 1	1				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục thể chất bắt buộc trong CTĐT
8	Trần Anh Hào Lê Thị Minh Đạo	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	Học kỳ 2, năm thứ 1	1				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
	Trần Thị Kim Ngọc							dục thể chất bắt buộc trong CTĐT
9	Nguyễn Trung Nam Trần Minh Hùng	Bóng đá	Học kỳ 1, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục thể chất tự chọn trong CTĐT
10	Phạm Hiền Chương Nguyễn Thị Thùy Dương (B) Nguyễn Duy Thanh Ngô Thanh Kiệt	Bóng chuyền	Học kỳ 1, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục thể chất tự chọn trong CTĐT
11	Phạm Việt Thanh Nguyễn Thị Thùy Dương (A) Đỗ Vĩnh Khiết Huỳnh Nguyễn Kim Ngân	Cầu lông	Học kỳ 1, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục thể chất tự chọn trong CTĐT
12	Hồ Thanh Tâm Châu Nhật Tân	Võ thuật Vovinam	Học kỳ 1, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục thể chất tự chọn trong CTĐT
13	Hồ Ngọc Lợi Trần Hữu Điền	Võ thuật Karatedo	Học kỳ 1, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục thể chất tự chọn trong CTĐT
14	Đỗ Vĩnh Khiết Nguyễn Thị Thùy Dương (A)	Cờ vua	Học kỳ 1, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục thể chất tự chọn trong CTĐT
15	Nguyễn Thị Thùy Dương (A) Đỗ Vĩnh Khiết	Bóng bàn	Học kỳ 1, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
								dục thể chất tự chọn trong CTĐT
16	Trần Anh Hào Trần Văn Đò Đặng Trường Trung Tín	Bóng ném	Học kỳ 1, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục thể chất tự chọn trong CTĐT
17	Trần Anh Hào Trần Văn Đò	Bóng rổ	Học kỳ 1, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục thể chất tự chọn trong CTĐT
18	Nguyễn Thị Thùy Dương (A) Đỗ Vĩnh Khiết	Tennis (Quần vợt)	Học kỳ 1, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức giáo dục thể chất tự chọn trong CTĐT
19	Lê Văn Tùng Phùng Ngọc Tiến Lương Thanh Tân Nguyễn Thị Thìn	Triết học Mác - Lênin	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung bắt buộc trong CTĐT
20	Phạm Quốc Nguyên Lê Diễm Kiều	Nhập môn ngành quản lý tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 1	1				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
21	Lê Văn Tùng Phùng Ngọc Tiến Lương Thanh Tân	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học kỳ 2, năm thứ 1	2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung bắt buộc trong CTĐT
22	Phạm Thị Tuyết Giang Nguyễn Hải Hà Nguyễn Thị Hồng Vân Võ Thị Minh Mẫn	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung bắt buộc trong CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
23	Lê Anh Thi Lê Thanh Dũng	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung bắt buộc trong CTĐT
24	Phùng Ngọc Tiến Đoàn Duy Trúc Ngọc Phan Anh	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kỳ 2, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung bắt buộc trong CTĐT
25	Lê Thanh Dũng Lê Thị Lệ Hoa Nguyễn Đình Cường	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung bắt buộc trong CTĐT
26	Phạm Quốc Nguyên Lê Diễm Kiều	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	Học kỳ 1, năm thứ 1			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
27	Trần Thanh Vân Nguyễn Thị Bích Phượng	Tiếng Việt thực hành	Học kỳ 1, năm thứ 1			2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung tự chọn trong CTĐT
28	Nguyễn Thanh Tùng Nguyễn Hoàng Trung	Kinh tế học đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 2			2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung tự chọn trong CTĐT
29	Lê Trung Hiếu Võ Minh Tâm Huỳnh Ngọc Cẩm Võ Thị Lệ Hằng	Xác suất thống kê	Học kỳ 2, năm thứ 1			2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung tự chọn trong CTĐT
30	Hà Danh Đức Lê Diễm Kiều	Sinh học đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
31	Lê Thị Ngọc Tú Trần Thị Thanh Thu	Vật lý đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1			2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung tự chọn trong CTĐT
32	Hồ Sỹ Thắng Nguyễn Minh Thảo	Hóa phân tích	Học kỳ 1, năm thứ 1			2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung tự chọn trong CTĐT
33	Hồ Sỹ Thắng Nguyễn Minh Thảo	TT. Hóa phân tích	Học kỳ 1, năm thứ 1			1		Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung tự chọn trong CTĐT
34	Phan Trung Cang Nguyễn Minh Thảo	Hóa môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung bắt buộc trong CTĐT
35	Phan Trung Cang Nguyễn Minh Thảo	TT. Hóa môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 1	1				Giảng viên cơ hữu giảng dạy học phần thuộc kiến thức chung bắt buộc trong CTĐT
36	Lê Diễm Kiều Phạm Quốc Nguyên	Sinh thái học cơ bản	Học kỳ 1, năm thứ 1	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
37	Hà Danh Đức Lê Diễm Kiều Nguyễn Thị Hải Lý	Tài nguyên thiên nhiên	Học kỳ 2, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
38	Phạm Quốc Nguyên Lê Diễm Kiều	Phương pháp nghiên cứu khoa học tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
	Phạm Quốc Nguyên	Luật và chính sách tài nguyên và môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
39	Phạm Quốc Nguyên Bùi Minh Triết	Cơ sở khoa học môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 1			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
40	Hà Danh Đức Nguyễn Thị Hải Lý	Anh văn chuyên ngành tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
41	Hà Danh Đức Nguyễn Thị Hải Lý	Vi sinh môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
42	Nguyễn Hồ Nguyễn Thị Phương Lê Diễm Kiều	Khí tượng thủy văn - QLMT	Học kỳ 2, năm thứ 2			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
43	Lê Diễm Kiều Phạm Quốc Nguyên	Quản lý tài nguyên nước	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
44	Nguyễn Thị Phương Ngô Thạch Thảo Ly	Quản lý tài nguyên đất đai	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
45	Lê Diễm Kiều Hà Danh Đức	Quản lý tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	Học kỳ 1, năm thứ 2	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
46	Lê Diễm Kiều Phạm Quốc Nguyên	Quản lý đất ngập nước	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
47	Phạm Quốc Nguyên	Quản lý tài nguyên khoáng sản	Học kỳ 1, năm thứ 3	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
48	Lê Diễm Kiều Hà Danh Đức	Quản lý tài nguyên thích ứng với biến đổi khí hậu	Học kỳ 2, năm thứ 3	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
49	Lê Diễm Kiều Hà Danh Đức Nguyễn Thị Hải Lý	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	Học kỳ 1, năm thứ 4	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
50	Phạm Quốc Nguyên La Văn Hùng Minh	Ứng dụng tin học trong Quản lý tài nguyên & môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 3	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
50	Lê Diễm Kiều Bùi Minh Triết	Quản lý môi trường công nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
52	Nguyễn Thị Hải Lý Lê Diễm Kiều	Quan trắc và đánh giá môi trường đất, nước và không khí	Học kỳ 1, năm thứ 3	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
52	Phạm Quốc Nguyên Nguyễn Hữu Long	Quy hoạch môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 3	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
53	Phạm Quốc Nguyên	Đánh giá tác động môi trường (ĐTMT)	Học kỳ 2, năm thứ 3	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
54	Bùi Minh Triết Nguyễn Thị Hải Lý	Quản lý và xử lý chất thải rắn	Học kỳ 1, năm thứ 4	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
55	Bùi Minh Triết Lê Diễm Kiều	Quản lý và xử lý nước thải	Học kỳ 2, năm thứ 2	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
56	Bộ môn Khoa học môi trường	Đồ án quản lý môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 4	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
57	Phạm Quốc Nguyên	Phương pháp phân tích hệ thống môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 2			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
58	Phạm Quốc Nguyên Ngô Thạch Thảo Ly La Văn Hùng Minh	Thủ tục hành chính quản lý tài nguyên và môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 2			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
59	Hà Danh Đức Lê Diễm Kiều Nguyễn Hữu Long	Quy hoạch và sử dụng tài nguyên bền vững	Học kỳ 1, năm thứ 3			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
60	Ngô Thạch Thảo Ly La Văn Hùng Minh	Thủ tục hành chính trong quản lý đất đai	Học kỳ 1, năm thứ 3			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
61	Nguyễn Thị Hải Lý	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 4			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
62	Bộ môn Khoa học môi trường	Đồ án quản lý tài nguyên	Học kỳ 1, năm thứ 4			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
63	Lê Diễm Kiều	Quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn	Học kỳ 1, năm thứ 3			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
64	Nguyễn Thị Hải Lý	Hệ thống ISO trong quản lý môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 3			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
65	Bùi Minh Triết Nguyễn Thị Hải Lý	Quản lý và tái sử dụng chất thải hữu cơ	Học kỳ 1, năm thứ 3			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
66	Bùi Minh Triết	Quản lý và xử lý chất thải nguy hại	Học kỳ 2, năm thứ 3			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
67	Nguyễn Thị Hải Lý	Kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn	Học kỳ 2 năm thứ 2			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
68	Nguyễn Thị Hải Lý Hà Danh Đức	Sinh vật chỉ thị môi trường	Học kỳ 2 năm thứ 2			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT
69	Lê Diễm Kiều	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 3			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
70	Lê Diễm Kiều	Luật và chính sách bảo hộ lao động	Học kỳ 1, năm thứ 4			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
71	Bùi Minh Triết	Quản lý và vận hành công trình môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 4			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
72	Phạm Quốc Nguyên	Độc học và sức khỏe môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 4			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
73	Phạm Quốc Nguyên Phan Văn Tuấn	Khởi nghiệp Quản lý tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 4	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
74	Lê Diễm Kiều Phan Văn Tuấn	Kỹ năng tìm kiếm việc làm Quản lý tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 4	1				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
75	Bộ môn Khoa học môi trường	Thực tập cơ sở	Học kỳ 2, năm thứ 3	6				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
76	Bộ môn Khoa học môi trường	Thực tập tốt nghiệp QLTNMT	Học kỳ 2, năm thứ 4	8				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
77	Lê Diễm Kiều Hà Danh Đức	Quản lý môi trường và tài nguyên biển	Học kỳ 1, năm thứ 4	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT
78	Lê Diễm Kiều	Định giá dịch vụ hệ sinh thái	Học kỳ 2, năm thứ 4	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
79	Phạm Thế Hùng Nguyễn Thị Hải Lý	Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý Tài nguyên và Môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 4	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
80	Nguyễn Thị Hải Lý	Quản lý và kiểm soát chất lượng môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 5	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
81	Bùi Minh Triết	Mô hình hoá trong QLMT	Học kỳ 2, năm thứ 4	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
82	Lê Diễm Kiều	An toàn sức khỏe và môi trường (HSE)	Học kỳ 2, năm 4	3		2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
83	Nguyễn Thị Hải Lý Bùi Minh Triết	Công nghệ xanh và năng lượng sạch	Học kỳ 2, năm thứ 4	2		2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
84	Lê Diễm Kiều	Kiểm kê khí nhà kính	Học kỳ 1, năm thứ 4	2				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
85	Bùi Minh Triết Nguyễn Hồ	Ứng dụng tự động hoá trong quản lý tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 5			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
86	Lê Diễm Kiều	Quản lý tài nguyên trên cơ sở phát triển cộng đồng	Học kỳ 1, năm thứ 5			2		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
87	Nguyễn Thị Phương	Ô nhiễm đất và kỹ thuật phục hồi	Học kỳ 2,			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng,

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
	Nguyễn Hồ		năm thứ 4					thực hiện CTĐT
88	Nguyễn Thị Hải Lý	Kiểm toán môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 4			2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
89	Bộ môn Khoa học môi trường	Đồ án tốt nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 5			6		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
90	Nguyễn Thị Hải Lý Lê Diễm Kiều	Thực hành phân tích và đánh giá tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 5			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
91	Bộ môn Khoa học môi trường	Thực tập thủ tục hành chính về tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 5			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT

TRƯỞNG KHOA
(Ký tên xác nhận)


Phạm Quốc Nguyên

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)


Hô Văn Thống